TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2020/QĐST-DS	*C, ngày* 30 *tháng* 9 *năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 463 – Bộ luật dân sự; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 – BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS, ngày 07/9/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự

Nguyên đơn: ông Hà Minh Ph – sinh năm 1957

Trú tại: Thôn H,thị trấn P,huyện C, tỉnhThanh Hóa.

Bị đơn: anh Phùng Quang Tr - Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn Ng, thị trấn P, huyện C, tỉnhThanh Hóa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H (vợ ông Ph) - sinh năm 1963

Trú tại : Thôn H, thị trấn P, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

Chị Triệu Thị H – sinh 1982

Trú tại: Thôn Ng, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phùng Quang Tr và chị Triệu Thị H có trách nhiệm trả cho ông Hà Minh Ph và bà Lê Thị H số tiền vay ngày 31/7/2019, tiền vay gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu) đồng.

Tiền lãi tính từ 31/7/2019 đến ngày 30/9/2020 là 14 tháng, lãi xuất là 1,66% /01 tháng: 200.000.000đ x 1,66% x14 tháng = 46.480.000đ (Bốn mươi

sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là: 200.000.000đ + 46.480.000đ = 246.480.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn trả nợ, nếu anh Tr, chị H không tự nguyện thi hành, ông Ph, bà H phải làm đơn yêu cầu thi hành án. Anh Tr, chị H còn phải chịu lãi xuất với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: ông Ph nhận nạp 3.081.000đ án phí DSST, ông Ph là người có công với cách mạng có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí DSST. Anh Tr phải chịu 3.081.000đ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

LÊ THỊ THANH